

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 263/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21/9/2020

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Nguyễn Phạm Tuấn

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Trần Văn Chánh

2. Bà Thiều Thị Phi Loan

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Đoàn Bích Thu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Bà Đoàn Thị Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 522/2020TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 238/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 296/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Vũ Thị Hằng H, sinh năm 1974; Địa chỉ: Số nhà 30A/82, khu phố 1, phường TB, thành phố BH, tỉnh ĐN (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

**Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973; Địa chỉ: 31/16, khu phố 3, phường HN, thành phố BH, tỉnh ĐN (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Nguyên đơn bà Vũ Thị Hằng H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, theo đơn khởi kiện, các lời khai, tài liệu, chứng cứ thu thập có tại hồ sơ bà Vũ Thị Hằng H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi (Vũ Thị Hằng H) và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) phường TB, thành phố BH, tỉnh ĐN và được UBND phường TB cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 153/TB, quyền số 06/KH, ngày 24/12/1996.

Quá trình chung sống 04 năm đầu có hạnh phúc, nhưng sau đó thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do suy nghĩ, quan điểm sống khác nhau dẫn đến

cách ứng xử khác nhau. Hai bên có ngồi lại nói chuyện, nhờ cha mẹ hai bên, bạn bè khuyên can để hàn gắn, đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2005 cho đến nay. Nay tôi xác định tình cảm giữa tôi và ông T không còn, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên tôi khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Tôi và ông Tài có 01 con chung tên Nguyễn Vũ Hoàng O, sinh ngày 13/4/1997 đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Bị đơn ông Nguyễn Văn T Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và văn bản tố tụng đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do nên không có lời khai tại hồ sơ và tại phiên tòa.*

\* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật: Tòa án xác định quan hệ pháp luật “Ly hôn” là đúng.

+ Về tư cách đương sự: Tòa án xác định tư cách đương sự trong vụ án là đúng.

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình đúng thẩm quyền.

+ Về thời hạn giải quyết vụ án: Đảm bảo đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

- Về việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Vũ Thị Hằng H về quan hệ hôn nhân. Còn về con chung, tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không đề nghị xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Vũ Thị Hằng H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973; Địa chỉ: 31/16, khu phố 3, phường HN, thành phố BH, tỉnh ĐNi. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố BH, tỉnh ĐN.

Nguyên đơn bà Vũ Thị Hằng H có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, xét đơn bà H làm hợp lệ nên chấp nhận. Bị đơn ông Nguyễn Văn T Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và văn bản tố tụng đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng bị đơn đều

vắng mặt không lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị Hằng H và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau từ năm 1996, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND phường TB, thành phố BH, tỉnh ĐN và được UBND phường TB cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 153/TB, quyển số 06/KH, ngày 24/12/1996. Căn cứ vào các Điều 6, 8 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986, hôn nhân giữa bà H và ông T được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có tại hồ sơ, nguyên đơn bà Vũ Thị Hằng H kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T, vì mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, vợ chồng chính thức sống ly thân từ tháng 6/2005 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa nên tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Theo biên bản xác minh ngày 09/6/2020 tại Công an phường HN, thành phố BH có ghi nhận nội dung: “Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973 có hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại địa chỉ: 31/16 khu phố 3, phường HN, thành phố BH, tỉnh ĐN”. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên họp hòa giải để bà H và ông T đoàn tụ nhưng ông T đều vắng mặt không đến Tòa án tham gia tố tụng nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Việc ông T không đến Tòa án cung cấp chứng cứ chứng minh là tự tước bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật. Qua xem xét đơn khởi kiện, trình bày của nguyên đơn và chứng cứ, tài liệu thu thập được có tại hồ sơ, HĐXX xét thấy bà H và ông T sống ly thân từ tháng 6/2005 cho đến nay, mỗi người ở mỗi nơi, không còn quan tâm chăm sóc nhau, không còn sống chung đời sống vợ chồng nên tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét xử cho bà H được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Bà H và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Vũ Hoàng O, sinh ngày 13/4/1997. Hiện nay Hoàng O đã thành niên và có khả năng lao động, đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[4] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Bà Vũ Thị Hằng H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 6, 8 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị Hằng H về việc “Ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị Hằng H được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về nuôi con chung: Con chung tên Nguyễn Vũ Hoàng O, sinh ngày 13/4/ 1997 đã thành niên và có khả năng lao động, đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Vũ Thị Hằng H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số 0008207 ngày 05/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Bà H đã nộp đủ án phí.

3. Về kháng cáo: Nguyên đơn bà Vũ Thị Hằng H và bị đơn ông Nguyễn Văn T đều vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- UBND phường TB;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

(Đã ký)

**Nguyễn Phạm Tuấn**